

BẢN TIN

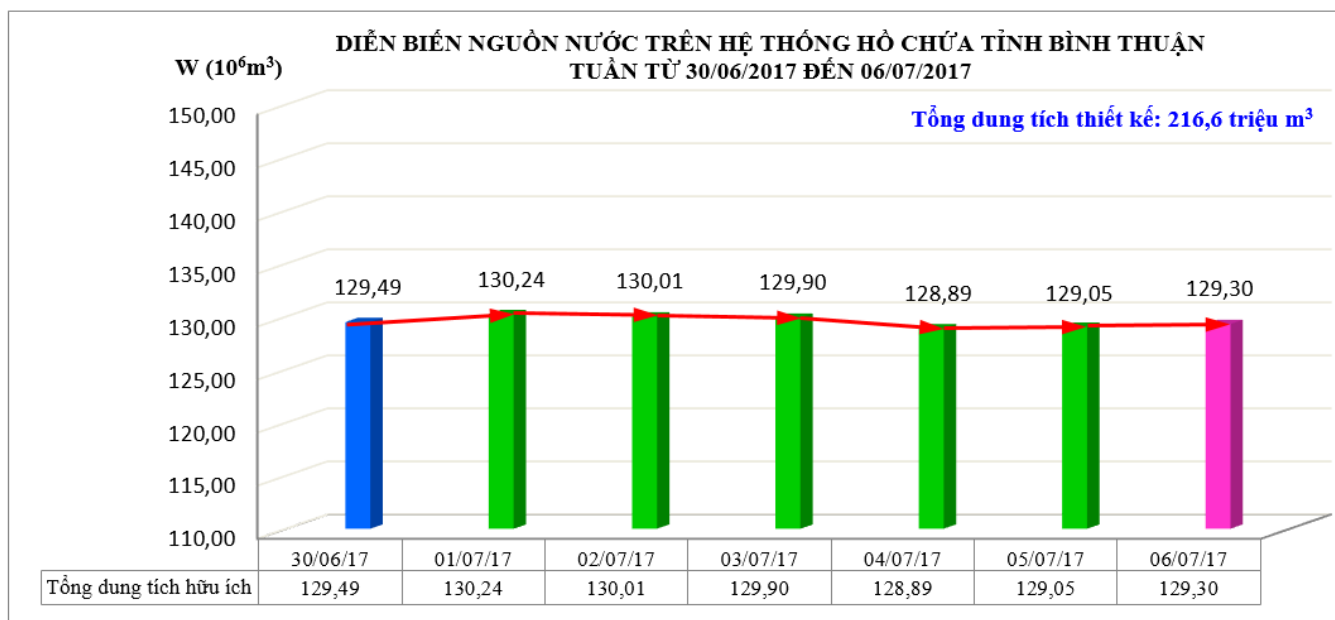
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - SÔNG LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2017

(Tuần từ 07/07/2017 đến 13/07/2017)

1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 30/06/2017 – 06/07/2017

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 30/06/2017 đến 06/07/2017 được trình bày tại Hình 1. Tổng dung tích trong tuần qua tăng nhẹ ở đầu tuần do có lượng mưa về bổ sung nguồn nước cho các hồ/ đập trong địa bàn tỉnh. Những ngày sau, trên địa bàn tỉnh lượng mưa nhỏ dần, rải rác; có nơi không mưa cộng với nhu cầu lấy nước để sản xuất nông nghiệp tăng khiến tổng dung tích các hồ giảm. Tổng lượng giảm của tuần qua là 0,19 triệu m³, trong đó mức giảm bình quân là 0,03 triệu m³/ngày, ít hơn mức giảm bình quân 0,13 triệu m³/ngày của tuần trước.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 30/06 - 06/07/2017

1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 06/07/2017

1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi

Tính đến ngày 06/07/2017 tổng dung tích của 16 hồ, đập lớn trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 129,30 triệu m³, đạt 59,70 % so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Dung tích

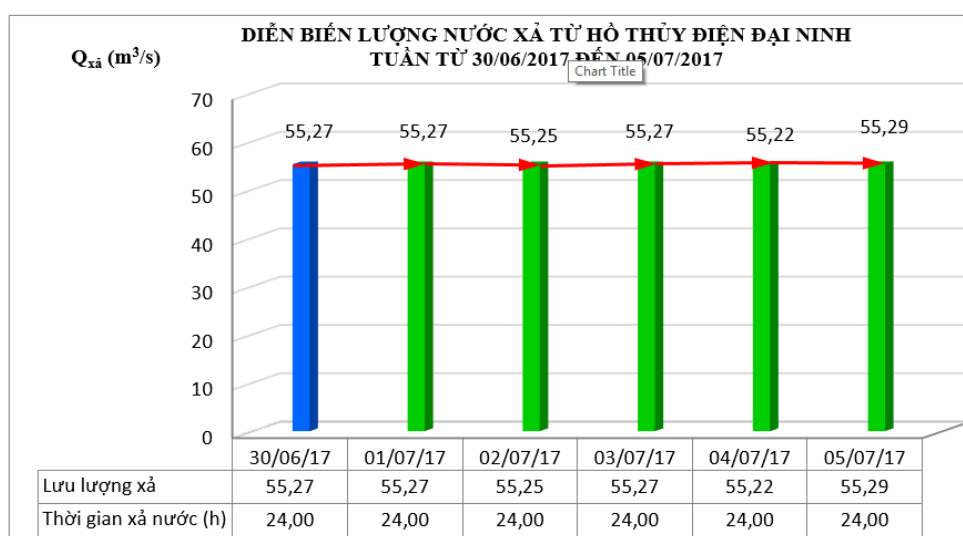
các hồ có sự thay đổi, về tổng thể chung thì giảm tuy nhiên có một số hồ dung tích tăng so với đầu tuần như hồ Lòng Sông, hồ Cà Giây, hồ Sông Móng, hồ Núi Đất, đập Sông Phan và hồ Phan Dũng. Hồ/đập có tỉ lệ dung tích hữu ích thấp nhất là hồ Sông Quao với tỉ lệ là 34,62% so với dung tích thiết kế. Hồ có tỉ lệ cao nhất là hồ Cà Giây với 103,25% dung tích thiết kế. Hiện tại 2 hồ có dung tích hữu ích thiết kế lớn trên địa bàn tỉnh là hồ Cà Giây, hồ Lòng Sông tính đến thời điểm hiện nay còn khá nhiều nước (Dung tích hiện tại lớn hơn 80% so với dung tích thiết kế).

Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 06/07/2017

| STT | Tên các Hồ chứa | DUNG TÍCH (10^6 m^3) | | | | | | Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế |
|------------------|-----------------|----------------------------------|----------------|----------------|---------------|------------------|------------------|--|
| | | Hiện tại | Bình thường | Gia cường | Chết | Hữu ích thiết kế | Hữu ích hiện tại | |
| 1 | Đá Bạc | 4,712 | 4,87 | 9,718 | 0,392 | 4,478 | 4,320 | 96,47% |
| 2 | Lòng Sông | 33,190 | 37,16 | 40,271 | 3,464 | 33,696 | 29,726 | 88,22% |
| 3 | Cà Giây | 37,847 | 36,921 | 63,209 | 8,409 | 28,512 | 29,438 | 103,25% |
| 4 | Sông Khán | 1,220 | 2,014 | 2,52 | 0,261 | 1,753 | 0,959 | 54,71% |
| 5 | Sông Quao | 28,998 | 73 | 80 | 5,7 | 67,3 | 23,298 | 34,62% |
| 6 | Suối Đá | 5,749 | 9,131 | 12,786 | 1,273 | 7,858 | 4,476 | 56,96% |
| 7 | Cắm Hang | 0,472 | 1,18 | 1,215 | 0,013 | 1,167 | 0,459 | 39,33% |
| 8 | Sông Móng | 15,327 | 37,156 | 51,515 | 2,985 | 34,171 | 12,342 | 36,12% |
| 9 | Ba Bàu | 5,200 | 6,938 | 11,403 | 0,964 | 5,974 | 4,236 | 70,91% |
| 10 | Đu Đủ | 2,683 | 3,664 | 5,217 | 0,297 | 3,367 | 2,386 | 70,86% |
| 11 | Tân Lập | 1,063 | 1,07 | 1,52 | 0,07 | 1 | 0,993 | 99,30% |
| 12 | Tà Mon | 0,375 | 0,657 | 0,72 | 0,05 | 0,607 | 0,325 | 53,54% |
| 13 | Núi Đất | 5,571 | 8,466 | 9,648 | 0,566 | 7,9 | 5,005 | 63,35% |
| 14 | Trà Tân | 3,918 | 3,888 | 8,333 | 0,403 | 3,485 | 3,515 | 100,86% |
| 15 | Sông Phan | 1,481 | 3,022 | 3,579 | 0,172 | 2,85 | 1,309 | 45,93% |
| 16 | Phan Dũng | 7,741 | 13,674 | 18,925 | 1,233 | 12,441 | 6,508 | 52,31% |
| Tổng Cộng | | 155,547 | 242,811 | 320,579 | 26,252 | 216,559 | 129,295 | 59,70% |

1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 06/07/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 181,55 triệu m^3 /251,7 triệu m^3 , đạt 72,12 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 6,02 triệu m^3 so với đầu tuần (ngày 30/06/2017).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 30/06/2017 đến 05/07/2017

Tính đến ngày 06/07/2017, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 100,03 triệu m³/ 522,5 triệu m³, đạt 19,14 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 20,90 triệu m³ so với đầu tuần (ngày 30/06/2017).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 06/07/2017

| Stt | Tên các Hồ chứa | DUNG TÍCH (10 ⁶ m ³) | | | | | | Tỷ lệ dung tích hiện tại |
|------------------|-------------------------|---|------------------|------------------|----------------|------------------|------------------|--------------------------|
| | | Hiện tại | Bình thường | Gia cường | Chết | Hữu ích Thiết kế | Hữu ích Hiện tại | |
| 1 | <u>Đại Ninh</u> | 249,591 | 319,770 | 549,820 | 68,040 | 251,730 | 181,551 | 72,12% |
| 2 | <u>Hàm Thuận</u> | 272,762 | 695,230 | 976,650 | 172,730 | 522,500 | 100,032 | 19,14% |
| Tổng Cộng | | 522,353 | 1.015,000 | 1,526,470 | 240,770 | 774,230 | 281,583 | 36,37% |

2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (các trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2016;

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân;

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2017. Lịch thời vụ các loại cây trồng;

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi;

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông;
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

| Dự báo KTTV tháng 07/2017 | Dự báo KTTV tuần 1 - tháng 07/2017 |
|--|---|
| <p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết đầu tháng: đêm và chiều tối có mưa rào và dông vài nơi, có ngày có mưa rào và dông rải rác vào nửa cuối tuần đầu tháng; thời kỳ giữa và cuối tháng có mưa rào và dông rải rác đến nhiều nơi, một số nơi đạt lượng mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to. Dự báo lượng mưa tháng 07/2017 đạt xấp xỉ và có nơi trên TBNN; cụ thể: Khu vực phía Bắc tỉnh</p> | <p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo thời tiết thời kỳ đầu tuần: trời mây thay đổi, có mưa rào và dông vài nơi; thời kỳ cuối tuần: mây thay đổi đến nhiều mây, có mưa rào rải rác có nơi mưa vừa mưa to và dông, ngày nắng gián đoạn. Dự báo lượng mưa tuần tới phổ biến đạt xấp xỉ và có nơi trên TBNN :Khu vực phía Bắc tỉnh 30-50mm; với 2-</p> |

100 - 150mm, có nơi 75 – 100mm; với 12 - 15 ngày mưa. Khu vực trung tâm và phía Nam tỉnh 200 - 300mm có nơi 300 - 350mm; với 17 - 20 ngày mưa. Khu vực vùng núi phía Tây và Tây nam: 350 - 450mm; với 23 - 25 ngày mưa.
- Tổng số giờ nắng: 200 - 220giờ, tổng lượng bốc hơi: 110 - 130mm.

b. Thủy văn:

- Mức nước trên sông La Ngà tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn đến xấp xỉ TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 117,50m; Hmax = 119,00m; Hmin = 116,00m.

+ Sông Lũy: Htb = 24,70m; Hmax = 26,00m ; Hmin = 23,50m.

4 ngày mưa. Khu vực trung tâm và phía Nam tỉnh 50-75mm có nơi 75-100mm; với 4-6 ngày mưa. Khu vực vùng núi phía Tây và Tây Nam: 100-150mm với 5-7 ngày mưa.

- Tổng số giờ nắng: 70 - 80giờ, tổng lượng bốc hơi: 25 - 35mm.

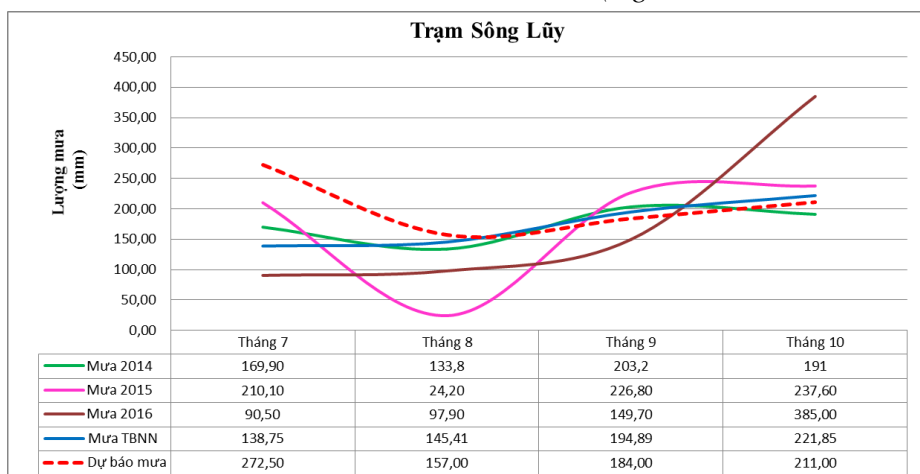
b. Thủy văn:

- Mức nước tại trạm Tà Pao đạt giá trị thấp hơn đến xấp xỉ TBNN, trên sông Lũy tại trạm Sông Lũy đạt giá trị xấp xỉ đến cao hơn TBNN.

+Tà Pao: Htb=117,10m; Hmax = 119,00m; Hmin = 116,00m.

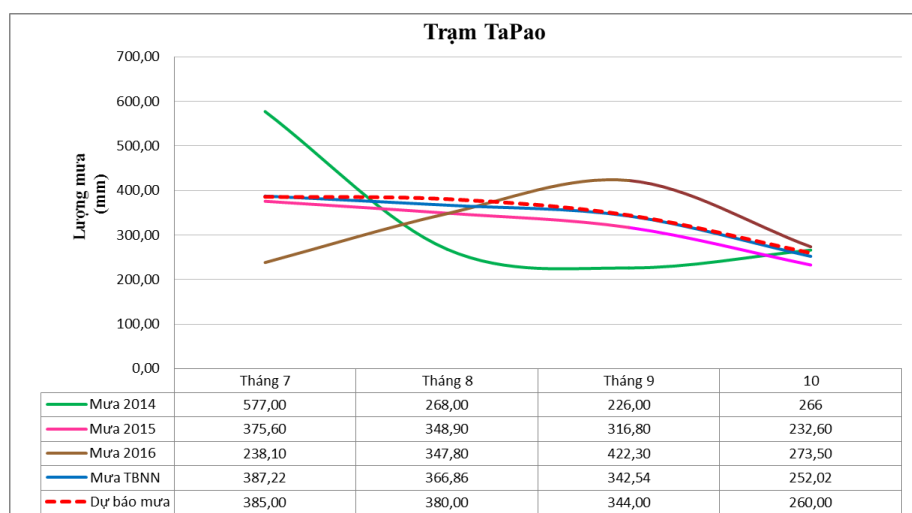
+ Sông Lũy: Htb = 24,60m; Hmax = 26,00m; Hmin = 23,60m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Hè Thu tại trạm Sông Lũy



(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)

Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa vụ Hè Thu tại trạm Tà Pao

2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2017 tỉnh Bình Thuận

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 7 đến tháng 8) năm 2017 tỉnh Bình Thuận

| TT | LV Sông/ Hồ | Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ/ đập vụ Hè Thu năm 2017 ($10^6 m^3$) | | |
|------------------|------------------------------|---|------------------------|--------------------------|
| | | Tháng 7 ($10^6 m^3$) | Tháng 8 ($10^6 m^3$) | Tổng cộng ($10^6 m^3$) |
| 1 | Hồ Đá Bạc | 0,455 | 0,505 | 0,961 |
| 2 | Hồ Phan Dũng | 2,065 | 3,935 | 6,001 |
| 3 | Hồ Lòng Sông | 1,765 | 6,615 | 8,381 |
| 4 | Đập Sông Lũy | 36,106 | 43,256 | 79,361 |
| 5 | Hồ Cà Giấy | 3,326 | 6,566 | 9,891 |
| 6 | Đập Đồng Mới, Tú Sơn,.. | 22,506 | 32,386 | 54,891 |
| 7 | Hồ Sông Quao | 35,058 | 47,838 | 82,896 |
| 8 | Hồ Suối Đá | 1,556 | 2,736 | 4,291 |
| 9 | Hồ Sông Khán | 1,718 | 2,518 | 4,236 |
| 10 | Hồ Cà Giang | 1,588 | 1,338 | 2,926 |
| 11 | Hồ Cẩm Hang | 1,256 | 1,416 | 2,671 |
| 12 | Hồ Sông Móng | 3,676 | 7,746 | 11,421 |
| 13 | Đập Ba Bàu | 6,916 | 14,466 | 21,381 |
| 14 | Hồ Đu Đủ | 1,446 | 1,366 | 2,811 |
| 15 | Đập Sông Phan | 13,396 | 15,266 | 28,661 |
| 16 | Hồ Tân Lập | 2,736 | 1,906 | 4,641 |
| 17 | Hồ Tà Mon | 1,516 | 4,156 | 5,671 |
| 18 | Hồ Núi Đất | 1,784 | 4,424 | 6,207 |
| 19 | Hồ Sông Dinh | 54,534 | 85,094 | 139,627 |
| 20 | Đập Cô Kiều | 1,584 | 3,694 | 5,277 |
| 21 | Sông La Ngà (tới đập Tà Pao) | 159,958 | 214,108 | 374,066 |
| 22 | Hồ Trà Tân | 3,265 | 5,255 | 8,519 |
| Tổng cộng | | | | 864,790 |

Dự kiến lượng nước xả vụ Hè Thu của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

| Thủy Điện | | Tháng 7 | Tháng 8 | Tổng ($10^6 m^3$) |
|-------------------|-------------------------------------|---------|---------|---------------------|
| Đại Ninh | Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s) | 15 | 14 | 77,67 |
| | Thời gian CM tối thiểu (giờ) | 14 | 13 | |
| Hàm Thuận - Đa Mi | Lưu lượng Q_{bq} ngày (m^3/s) | 25 | 16 | 109,81 |
| | Thời gian CM tối thiểu (giờ) | 14 | 11 | |

(Nguồn: Công ty Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh Bình Thuận)

3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng vụ Hè Thu từ tháng 07/2017 đến tháng 08/2017 là 304,99 triệu m³.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mỗi các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2017

| TT | LV Sông, hồ | Vụ Hè Thu 2017 | | | | | | |
|------------------|------------------------------------|--|---------------------------|------------------|---------------|--|--------------|---------------|
| | | Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha) | | | | Nhu cầu nước vụ Hè Thu (10 ⁶ m ³) | | |
| | | Lúa | Cây màu (Ngô, đậu, mè,..) | Thanh Long | Thủy sản | Tháng 7 | Tháng 8 | Tổng |
| Tổng cộng | | 33.480,00 | 39.851,00 | 14.736,00 | 497,00 | 102,63 | 55,35 | 157,98 |
| 1 | Hồ Đá Bạc | 271,37 | 78,66 | 54 | - | 0,75 | 0,53 | 1,28 |
| 2 | Hồ Phan Dũng | 123,99 | 157,31 | 108 | - | 0,52 | 0,37 | 0,89 |
| 3 | Hồ Lòng Sông | 3.061,65 | 284,03 | 195 | 79,00 | 3,77 | 1,46 | 5,23 |
| 4 | Đập Sông Lũy | 6.321,78 | 4.047,83 | 294 | - | 17,10 | 2,80 | 19,90 |
| 5 | Hồ Cà Giấy | 1.397,40 | 5.452,17 | 396 | - | 5,07 | 1,01 | 6,08 |
| 6 | Đập Đồng Mới, Đồng Mãng, Tú Sơn... | 1.017,82 | 3.800 | 276 | - | 4,83 | 1,91 | 6,74 |
| 7 | Hồ Sông Quao | 6.369,05 | 3.267,35 | 6.622,06 | - | 27,44 | 14,30 | 41,75 |
| 8 | Hồ Suối Đá | 234,96 | 231,88 | 469,95 | - | 0,86 | 0,30 | 1,16 |
| 9 | Hồ Sông Khán | 73,99 | 16,78 | 34 | - | 0,18 | 0,04 | 0,22 |
| 10 | Hồ Sông Móng | - | 212,69 | 177,27 | - | 0,51 | 0,40 | 0,91 |
| 11 | Đập Ba Bàu | 725,16 | 4.349,28 | 3.625,10 | - | 10,32 | 6,85 | 17,17 |
| 12 | Hồ Du Đủ | 96,84 | 1.180,13 | 983,63 | - | 2,63 | 1,83 | 4,46 |
| 13 | Đập Sông Phan | 1 | 722,66 | 602,33 | - | 0,71 | 0,62 | 1,33 |
| 14 | Hồ Tân Lập | 0,00 | 566,07 | 471,82 | - | 0,45 | 0,38 | 0,83 |
| 15 | Hồ Tà Mon | 0,00 | 164,18 | 136,84 | - | 0,13 | 0,11 | 0,24 |
| 16 | Hồ Núi Đất | 430 | 575 | 226 | - | 1,20 | 0,56 | 1,75 |
| 17 | Hồ Sông Dinh | 417 | 10.170 | 64 | - | 1,65 | 1,03 | 2,68 |
| 18 | Đập Cô Kiều | 40 | - | - | - | 0,11 | 0,05 | 0,15 |
| 19 | Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao) | 12.798,85 | 3.200 | - | 418,00 | 23,32 | 20,81 | 44,13 |
| 20 | Hồ Trà Tân | 99,15 | 1.375 | - | - | 1,08 | - | 1,08 |

4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU NĂM 2017

4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 07/07/2017 đến 13/07/2017

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 13/07/2017 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, tổng dung tích hữu ích đạt 130,14 triệu m³ (chiếm 60,10% so với dung tích thiết kế), tăng 0,85 triệu m³ so với thời điểm hiện tại (ngày 06/07/2017).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 13/07/2017

| TT | Hồ chứa | Cao trình mực nước bình thường (m) | Dung tích hữu ích thiết kế ($10^6 m^3$) | Nguồn nước hiện tại -06/07/2017 | | | Dự kiến nguồn nước đến 13/07/2017 | | |
|----|---------------|------------------------------------|---|---------------------------------|----------------------------------|---|-----------------------------------|----------------------------------|--|
| | | | | Cao trình mực nước hiện tại (m) | Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$) | Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 06/07/2017 so với thiết kế | Cao trình mực nước (m) | Dung tích hữu ích ($10^6 m^3$) | Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 13/07/2017 so với thiết kế |
| 1 | Hồ Đá Bạc | 31,01 | 4,478 | 30,90 | 4,320 | 96,47% | 30,94 | ▲ 4,371 | 97,62% |
| 2 | Hồ Lòng Sông | 76,95 | 33,696 | 75,22 | 29,726 | 88,22% | 75,87 | ▲ 31,187 | 92,55% |
| 3 | Hồ Cà Giây | 74,7 | 28,512 | 74,89 | 29,438 | 103,25% | 75,07 | ▲ 30,518 | 107,03% |
| 4 | Hồ Sông Khán | 106,95 | 1,753 | 105,09 | 0,959 | 54,71% | 104,66 | ▼ 0,817 | 46,58% |
| 5 | Hồ Sông Quao | 89 | 67,3 | 80,04 | 23,298 | 34,62% | 79,38 | ▼ 21,072 | 31,31% |
| 6 | Hồ Suối Đá | 47 | 7,858 | 45,83 | 4,476 | 56,96% | 45,86 | ▲ 4,541 | 57,78% |
| 7 | Hồ Cẩm Hang | 25 | 1,167 | 23,58 | 0,459 | 39,33% | 23,61 | ▲ 0,471 | 40,39% |
| 8 | Hồ Sông Móng | 75,8 | 34,171 | 70,70 | 12,342 | 36,12% | 70,77 | ▲ 12,564 | 36,77% |
| 9 | Đập Ba Bàu | 42 | 5,974 | 41,36 | 4,236 | 70,91% | 41,28 | ▼ 4,018 | 67,26% |
| 10 | Hồ Đu Đủ | 61 | 3,367 | 60,05 | 2,386 | 70,86% | 59,84 | ▼ 2,195 | 65,20% |
| 11 | Hồ Tân Lập | 44 | 1 | 43,98 | 0,993 | 99,30% | 44,02 | ▲ 1,009 | 100,90% |
| 12 | Hồ Tà Mon | 46,5 | 0,607 | 45,00 | 0,325 | 53,54% | 45,00 | ■ 0,325 | 53,54% |
| 13 | Hồ Núi Đất | 23,5 | 7,9 | 22,00 | 5,005 | 63,35% | 22,21 | ▲ 5,390 | 68,23% |
| 14 | Hồ Trà Tân | 95 | 3,485 | 95,01 | 3,515 | 100,86% | 94,95 | ▼ 3,382 | 97,04% |
| 15 | Đập Sông Phan | 70 | 2,85 | 66,38 | 1,309 | 45,93% | 66,61 | ▲ 1,408 | 49,40% |
| 16 | Hồ Phan Dũng | 206,4 | 12,441 | 203,34 | 6,508 | 52,31% | 203,57 | ▲ 6,877 | 55,27% |
| | Tổng | | 216,559 | | 129,295 | 59,70% | | 130,14 | 60,10% |

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2017

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu đã tính ở trên, dự báo từ ngày 13/07 - 31/08/2017 sẽ có:

- + 18/19 hồ/đập thủy lợi có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Hè Thu (xem Bảng 7): đập Ba Bàu, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Sông Phan, hồ Sông Dinh, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Sông Khán, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Tà Mon, hồ Tân Lập, hồ Trà Tân, đập Sông Lũy, hồ Núi Đất;
- + 1/19 hồ/đập còn lại trên địa bàn tỉnh cũng đáp ứng phần lớn diện tích tưới: hồ Đu Đủ (đáp ứng 80,82% nhu cầu nước nông nghiệp).

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa, đập dâng vụ Hè Thu 2017 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2017

| TT | LV Hồ, Đập | Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu | | | |
|----|------------|------------------------------------|---------|------|---------------------------------------|
| | | Lượng nước thiếu ($10^6 m^3$) | | | Khả năng cấp nước tưới vụ Hè Thu 2017 |
| | | Tháng 7 | Tháng 8 | Tổng | |
| 1 | Hồ Đá Bạc | 0 | 0 | 0 | 100% |

| | | | | | |
|-------------|----------------------------------|-------|-------|--------------|---------------|
| 2 | Hồ Phan Dũng | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 3 | Hồ Lòng Sông | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 4 | Đập Sông Lũy | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 5 | Hồ Cà Giây | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 6 | Đập Đồng Mới, Tú Sơn... | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 7 | Hồ Sông Quao | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 8 | Hồ Suối Đá | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 9 | Hồ Sông Khán | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 10 | Hồ Sông Móng | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 11 | Đập Ba Bàu | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 12 | Hồ Đu Đủ | 0,394 | 0,462 | 0,856 | 80,82% |
| 13 | Đập Sông Phan | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 14 | Hồ Tân Lập | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 15 | Hồ Tà Mon | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 16 | Hồ Núi Đất | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 17 | Hồ Sông Dinh | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 18 | Sông La Ngà (Tới Đập Tà Pao) | 0 | 0 | 0 | 100% |
| 19 | Hồ Trà Tân | 0 | 0 | 0 | 100% |
| Tổng | | | | 0,602 | |

Kết luận - Kiến nghị:

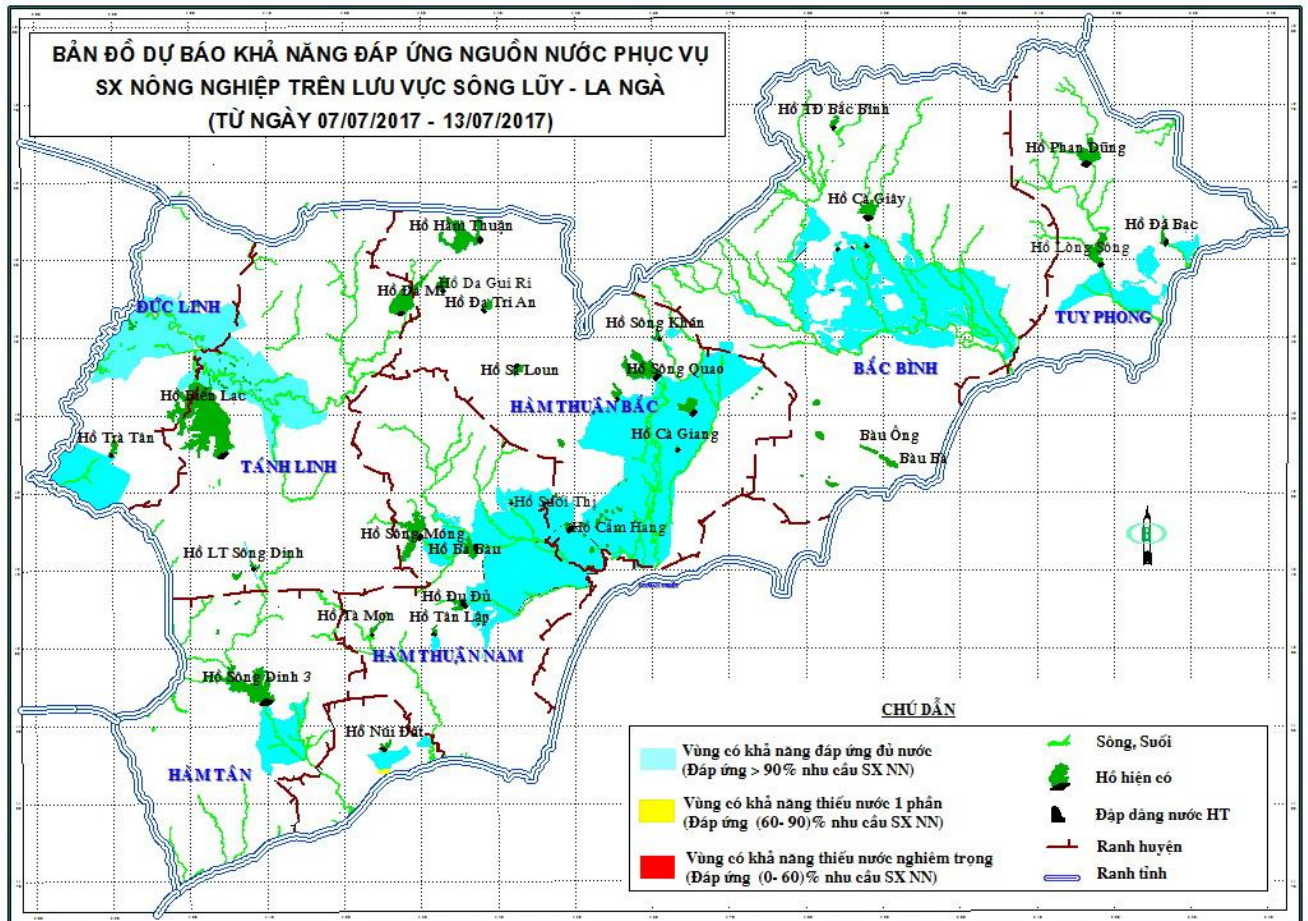
Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, địa phương cần: Cập nhật thường xuyên tình hình KTTV, diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Hè Thu; Tiếp tục theo dõi lưu lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 13/07/2017 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 130,14 triệu m³ (chiếm 60,10% so với dung tích thiết kế), như vậy về cơ bản các vùng/khu vực trên địa bàn tỉnh dự báo từ ngày 06/07/2017 đến ngày 13/07/2017 đều có khả năng đáp ứng đủ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp. Dưới đây là kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 13/07/2017 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 31,19 triệu m³, hồ Phan Dũng có 6,88 triệu m³, hồ Đá Bạc 4,37 triệu m³: Sử dụng nguồn nước hiện có trong các hồ này để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Cà Giây có 30,52 triệu m³, hồ Sông Quao có 21,07 triệu m³: có thể tận dụng nguồn nước thủy điện Đại Ninh, lượng nước trữ trong hồ để cấp đủ nước tưới cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Sông Móng có 12,56 triệu m³, đập Ba Bàu có 4,02 triệu m³, hồ Tà Mon có 0,33 triệu m³, hồ Đu Đủ có 2,20 triệu m³, hồ Tân Lập có 1,01 triệu m³, hồ Núi Đất có

5,39 triệu m³, có thể sử dụng nguồn nước trong các hồ để cấp đủ nước cho lúa, cây trồng cạn vụ Hè Thu;

- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2017.



Hình 5: Bản đồ dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên lưu vực sông Lữ – sông La Ngà tỉnh Bình Thuận từ ngày 07/07/2017 đến ngày 13/07/2017

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 06/07/2017

(Ghi chú: Bản tin này sẽ được Viện tiếp tục cập nhật trong các tuần kế tiếp. Để phục vụ kịp thời, chủ động kiểm soát nguồn nước cho sản xuất vụ Hè Thu, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi (Vụ Quản lý Công trình và ATĐ) để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình nguồn nước, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: vkhtlmm@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com ./.